TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS- ST.
Ngày: 16/01/2023.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phan Thanh Bắc.

Ông: Tòng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Ngày 16/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST – DS, ngày 14/12/2022; theo quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-DS ngày 30/12/2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Địa chỉ: Số 210 Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy Hòa – Chức vụ: Giám Đốc chi nhánh Điện Biên (Theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 6650/2017/QĐ-TGĐ, ngày 20/6/2017).

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huy Hòa: Ông Lê Việt H - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Bản Phủ - Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Điện Biên; "có mặt"

Địa chỉ: Đội 24, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn:

- Ông Quàng Văn Đ, sinh năm 1984; "có mặt"
- Bà Quàng Thị B, sinh năm 1978. "có mặt"

Đều có địa chỉ: Bản Y C 2, xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Quàng Văn H, sinh năm 1980; "có mặt"
- Bà Lò Thị P, sinh năm 1984. "có mặt"

Đều có địa chỉ: Bản H C, xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/3/2020, ông Quàng Văn Đ và bà Quàng Thị B đã ký hợp đồng tín dụng số HĐTD41A202059 với ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Điện Biên vay số tiền 270.000.000đ, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 120 tháng, ngày giải ngân 17/3/2020.

- Do không trả được gốc, lãi đến hạn nên khoản vay của ông Đôi, bà Biêng đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 17/3/2021 và dự kiến sẽ không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ các kỳ tiếp theo trong tương lai. Từ thời điểm đó đến nay Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Đôi, bà Biêng yêu cầu thực hiện các nghĩa vụ trả nợ nhưng khách hàng không thực hiện trả nợ.

- Ngân hàng đã làm việc với ông Đôi, bà Biêng để trao đổi và yêu cầu đưa ra phương án để thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng hoặc tất toán khoản vay. Tuy nhiên, các phương án đều không khả thi.

- Theo hợp đồng tín dụng số HĐTD41A202059 ngày 17/3/2020 ông Đôi, bà Biêng đã vi phạm vào Điều 7. Tại Điều 7 – Chấm dứt cho vay và thu hồi vốn vay trước hạn quy định Ngân hàng được quyền chấm dứt việc cho vay và/hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ vốn vay của bên vay khi bên vay không có khả năng trả nợ.

Căn cứ vào các nội dung trên, ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Điện Biên kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giải quyết:

- Buộc ông Đôi, bà Biêng phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Điện Biên theo hợp đồng tín dụng số HĐTD41A202059 ngày 17/3/2020.

- Căn cứ thực trạng khoản nợ và tình hình trả nợ của ông Đôi, bà Biêng với ngân hàng đang quá hạn với tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/3/2022 là: 293.236.960đ (Hai trăm chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng). Trong đó:

+ Tổng nợ gốc quá hạn: 256.376.003đ;

+ Tổng lãi phạt gốc quá hạn: 3.655.132đ;

+ Tổng lãi đến hạn: 1.799.028đ;

+ Tổng lãi quá hạn: 29.833.125đ;

+ Tổng lãi phạt quá hạn: 1.573.672đ.

Tính đến ngày 16/01/2023 là 314.111.240đ (Ba trăm mười bốn triệu một trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi đồng). Trong đó:

+ Tổng nợ gốc: 246.375.963 đ;

+ Tổng lãi chậm trả lãi: 5.144.121đ;

+ Tổng lãi chậm trả gốc: 10.741.786đ;

+ Tổng lãi quá hạn: 51.849.370đ;

- Yêu cầu ông Đôi, bà Biêng phải thanh toán toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng tính đến ngày 16/01/2023 là 314.111.240đ (Ba trăm mười bốn triệu một trăm mười

một nghìn hai trăm bốn mươi đồng). Trong thời gian chưa thanh toán nợ yêu cầu ông Đôi, bà Biêng tiếp tục trả toàn bộ lãi phát sinh (Lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo quy định của ngân hàng và của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay tính từ ngày 16/01/2023, cụ thể:

- Lãi suất cho vay trong hạn = Lãi suất tiết kiệm 13 tháng + margin trong đó:

+ Lãi suất tiết kiệm 13 tháng là Lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của LienVietPostBank dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm áp dụng (thời điểm giải ngân)/điều chỉnh lãi suất

+ Margin: Là biên độ lãi suất cho vay, theo thông báo/niêm yết/quy định cụ thể của Ngân hàng có hiệu lực áp dụng tại thời điểm xác định/điều chỉnh lãi suất. margin = 5,45%/năm;

+ Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm.

- Trong trường hợp ông Đôi, bà Biêng không trả được tiền vay cho Ngân hàng đề nghị Tòa án thanh lý tài sản thế chấp của ông Hương và bà Phòng theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị ngày 05/7/2022 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án bị đơn trình bày:

Tôi có được ký vay Ngân hàng số tiền vay là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) hộ em trai và em dâu là Quàng Văn H và Lò Thị P. Số tiền này chúng tôi chỉ ký hợp đồng vay với Ngân hàng nhưng thực tế chúng tôi không được sử dụng, người sử dụng số tiền trên là Quàng Văn H và Lò Thị P. Tôi yêu cầu Quàng Văn H và Lò Thị P phải trả tiền cho Ngân hàng, Quàng Văn H đã công nhận lời trình bày của bị đơn là đúng sự thật.

Tại phiên tòa bên bị đơn đồng ý trả tiên vay Ngân hàng theo hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2022 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 17/3/2020 tôi có được nhờ chị gái và anh rể là Quàng Thị B và Quàng Văn Đ ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 270.000.000đ, có thế chấp quyền sử dụng đất của gia đình tôi Quàng Văn H, số tiền trên tôi để làm nhà. Số tiền này tôi là người sẽ trả cho Ngân hàng, còn anh Đôi và chị Biêng là người ký vay hộ tôi số tiền trên.

Tại phiên tòa bên bị đơn đồng ý với kiến của bên nguyên đơn và không có ý kiến gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý cho bị đơn tiếp tục cho bị đơn dùng tài sản thế chấp của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của bị đơn: Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng của ông Đôi và bà Biêng vay theo hình thức vay phục vụ nhu cầu đời sống có thế chấp tài sản, nên Tòa án sẽ căn cứ vào các quy định Bộ Luật Dân sự 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 để giải quyết vụ án.

[3]. Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng:

3.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Địa chỉ: Số 210 Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Hòa – Chức vụ: Giám Đốc chi nhánh Điện Biên (Theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 6650/2017/QĐ-TGĐ, ngày 20/6/2017).

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Hòa: Ông Lê Việt H - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Bản Phủ - Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Điện Biên;

Địa chỉ: Đội 24, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

3.2. Bị đơn:

- Ông Quàng Văn Đ, sinh năm 1984;
- Bà Quàng Thị B, sinh năm 1978.

Đều có địa chỉ: Bản Y C 2, xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Quàng Văn H, sinh năm 1980;
- Bà Lò Thị P, sinh năm 1984.

Đều có địa chỉ: Bản H C, xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

[4]. Về tính pháp lý của hợp đồng tín dụng:

Do ông Đôi và bà Biêng là vợ chồng đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 577455; số vào sổ GCN: CH00217, do UBND huyện Đ B, tỉnh Điện Biên cấp ngày 05/3/2012 cho ông Quàng Văn H ở Bản H C, xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên để thế chấp cho Ngân hàng vay số tiền 270.000.000đ, bằng hợp đồng tín dụng số HĐTD41A202059 ngày 17/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Hợp đồng được lập theo mẫu có chữ ký của giám đốc Ngân hàng, chữ ký của ông Đôi, bà Biêng, đã đảm bảo về hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức. Bị đơn đã được vay vốn và được giải ngân số tiền vay 270.000.000 đồng, theo đúng mục đích mua sắm đồ gia dụng. Xét thấy việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Điện Biên với ông Đôi và bà Biêng là hợp pháp và đúng theo quy định tại các Điều 116, 117 và các Điều 463, 465; 466, 467; 468 BLDS.

[5]. Xét về nội dung tranh chấp:

Ngày 17/3/2020 ông Đôi và bà Biêng ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Điện Biên theo hợp đồng tín dụng số HĐTD41A202059 ngày 17/3/2020 mục đích để mua sắm đồ gia dụng với số tiền vay 270.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ theo quy định của ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm hợp đồng tại Điều 7. Do vậy, Ngân hàng đã căn cứ theo quy định tại Điều 7 – Chấm dứt cho vay và thu hồi vốn vay trước hạn quy định Ngân hàng được quyền chấm dứt việc cho vay và/hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ vốn vay của bên vay khi bên vay không có khả năng trả nợ.

Khoản vay của ông Đôi và bà Biêng đã quá hạn kể từ ngày 17/3/2021, tuy nhiên ông Đôi và bà Biêng không thực hiện đúng cam kết trả nợ dù được Ngân hàng thông báo nhiều lần. Tính đến ngày 16/01/2023 ông Đôi và bà Biêng còn nợ Ngân hàng số tiền là 314.111.240đ (Ba trăm mười bốn triệu một trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi đồng). gồm: Nợ gốc và các loại lãi.

Tại đơn đề nghị ngày 05/7/2022 bị đơn trình bày là có được ký vay Ngân hàng số tiền vay là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) hộ em trai và em dâu là Quàng Văn H và Lò Thị P. Số tiền này chúng tôi chỉ ký hợp đồng vay với Ngân hàng nhưng thực tế chúng tôi không được sử dụng, người sử dụng số tiền trên là Quàng Văn H và Lò Thị P. Tôi yêu cầu Quàng Văn H và Lò Thị P phải trả tiền cho Ngân hàng, Quàng Văn H đã công nhận lời trình bày của bị đơn là đúng sự thật.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công nhận là ngày 17/3/2020 có được nhờ chị gái và anh rể là Quàng Thị B và Quàng Văn Đ ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 270.000.000đ, có thế chấp quyền sử dụng đất của gia đình tôi Quàng Văn H, số tiền trên tôi để làm nhà. Số tiền này tôi là người sẽ trả cho Ngân hàng, còn anh Đôi và chị Biêng là người ký vay hộ tôi số tiền trên.

Tại phiên tòa bên bị đơn đồng ý với kiến của bên nguyên đơn và không có ý kiến gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý cho bị đơn tiếp tục dùng tài sản thế chấp của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng.

Như vậy, bị đơn đã được vay vốn và được giải ngân theo đúng đối tượng, mức lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy việc thỏa thuận giao kết hợp đồng vay vốn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, đúng các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng số HĐTD41A202059 ngày 17/3/2020 giao kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Điện Biên với ông Đôi và bà Biêng là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã cung cấp được cho Tòa án các tài liệu chứng minh việc vay, trả tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn số dư nợ gốc của bị đơn để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Từ những căn cứ trên xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều

91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 463, 465; 466, 467; 468 BLDS năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và các loại lãi là 314.111.240đ (Ba trăm mười bốn triệu một trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

Trong trường hợp ông Đôi, bà Biêng không trả được tiền vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án Dân sự thanh lý tài sản thế chấp của ông Hương và bà Phòng mà bị đơn đã dùng để thế chấp theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147/BLTTDS, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Đôi và bà Biêng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 314.111.240đ x 5% = 15.705.562đ (Mười lăm triệu bảy trăm linh năm nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng). Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Điện Biên không phải chịu án phí DSST, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.330.924đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng), theo biên lai số: 0004987 ngày 17/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; 264, 267 và các Điều 271, Điều 273/BLTTDS;

- Căn cứ các Điều 351, 352, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Quàng Văn Đ và bà Quàng Thị B phải trả số tiền nợ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Điện Biên tính đến ngày 16/01/2023 số tiền nợ là 314.111.240đ (Ba trăm mười bốn triệu một trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi đồng). Trong đó:

+ Tổng nợ gốc: 246.375.963 đ;
+ Tổng lãi chậm trả lãi: 5.144.121đ;
+ Tổng lãi chậm trả gốc: 10.741.786đ;
+ Tổng lãi quá hạn: 51.849.370đ;

Tổng nợ cả gốc và lãi là: 314.111.240đ (Ba trăm mười bốn triệu một trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

Trong trường hợp ông Đôi, bà Biêng không trả được tiền vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án Dân sự thanh lý tài sản thế chấp của ông Hương và bà Phòng mà bị đơn đã dùng để thế chấp theo quy định của pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày tuyên án 16/01/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đôi và bà Biêng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 314.111.240đ x 5% = 15.705.562đ (Mười lăm triệu bảy trăm linh năm nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng). Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Điện Biên không phải chịu án phí DSST, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.330.924đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng), theo biên lai số: 0004987 ngày 17/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Các đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2023).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ B;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Đ B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN | CHỦ TỌA | HỘI THẨM NHÂN DÂN

Phan Thanh Bắc Lường Văn Lương Tòng Văn Hưng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ B;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Đ B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA HỘI THẨM NHÂN DÂN

Phan Thanh Bắc | Lường Văn Lương | Nông Trung Kiên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ B;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Đ B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương